

Tapered Washers / Tapered Nuts / Square Nuts / Square Washers

Tapered Washers

Type	M	S
ZTQ	SS400	Trivalent Bright Chromate Plating
ZTQM	S45C	Trivalent Chromate

RoHS10

Diagram showing dimensions for ZTQ (Square Type) and ZTQM (Round Type). ZTQ dimensions include t1, t2, t3, t4, t5, t6, t7, t8, t9, t10, t11, t12, t13, t14, t15, t16, t17, t18, t19, t20, t21, t22, t23, t24, t25, t26, t27, t28, t29, t30, t31, t32, t33, t34, t35, t36, t37, t38, t39, t40, t41, t42, t43, t44, t45, t46, t47, t48, t49, t50, t51, t52, t53, t54, t55, t56, t57, t58, t59, t60, t61, t62, t63, t64, t65, t66, t67, t68, t69, t70, t71, t72, t73, t74, t75, t76, t77, t78, t79, t80, t81, t82, t83, t84, t85, t86, t87, t88, t89, t90, t91, t92, t93, t94, t95, t96, t97, t98, t99, t100. ZTQM dimensions include d, D, t1, t2, t3, t4, t5, t6, t7, t8, t9, t10, t11, t12, t13, t14, t15, t16, t17, t18, t19, t20, t21, t22, t23, t24, t25, t26, t27, t28, t29, t30, t31, t32, t33, t34, t35, t36, t37, t38, t39, t40, t41, t42, t43, t44, t45, t46, t47, t48, t49, t50, t51, t52, t53, t54, t55, t56, t57, t58, t59, t60, t61, t62, t63, t64, t65, t66, t67, t68, t69, t70, t71, t72, t73, t74, t75, t76, t77, t78, t79, t80, t81, t82, t83, t84, t85, t86, t87, t88, t89, t90, t91, t92, t93, t94, t95, t96, t97, t98, t99, t100.

Part Number		Angle	d	D	Angle 3°		Angle 5°		Angle 8°		ZTQ		ZTQM	
Type	No.				t1	t2	t1	t2	t1	t2	Unit Price	Volume Discount Rate	Unit Price	Volume Discount Rate
ZTQ ZTQM	6	3	7	16	1.2	2	1.6	3	1.7	4	1 ~ 49 pcs.	50 ~ 200 pcs.	1 ~ 49 pcs.	50 ~ 100 pcs.
	8		9	18	1.1	2	1.4	3	1.5	4				
	10		11	22	1.8	3	2	4	1.9	5				
	12	5	14	26	1.6	3	1.7	4	2.3	6				
	16		18	32	3.3	5	3.2	6	3.5	8				
	20		21	40	2.9	5	2.5	6	3.4	9				
24	8	27	52	3.3	6	3.5	8	3.7	11					

Ordering Example
Part Number - A - P - D
ZTQ6 - 5

Square Nuts

NSQ

RoHS10

Material: SS400
Surface Treatment: Trivalent Bright Chromate Plating

Diagram showing dimensions for NSQ. Dimensions include B, L, T, and T-0.2.

Part Number	Type	M (Coarse)	L	B	T	Unit Price	
						1 ~ 49 pcs.	50 ~ 500 pcs.
NSQ		4	7	7	3.2		
		5	8	8	4		
		6	16	10	4.5		
		8	42	15.5	6		

Ordering Example
Part Number - A - P - D
NSQ8

For orders larger than indicated quantity, please check with WOS.

Square Nuts, Square Washers - Dim. Configurable 1-Hole

Type	M	S
FKT	SS400	-
FKTB	S45C	Black Oxide
FKTS	SUS304	-

RoHS10

Diagram showing dimensions for Nuts and Washers. Dimensions include B, A, P, T, and D.

Ordering Example
Part Number - A - P - D
FKW16 - A20 - P10 - D7

Tapered Nuts

ZTN

RoHS10

Material: SS400
Surface Treatment: Trivalent Bright Chromate Plating

Diagram showing dimensions for ZTN. Dimensions include t1, t2, t3, t4, t5, t6, t7, t8, t9, t10, t11, t12, t13, t14, t15, t16, t17, t18, t19, t20, t21, t22, t23, t24, t25, t26, t27, t28, t29, t30, t31, t32, t33, t34, t35, t36, t37, t38, t39, t40, t41, t42, t43, t44, t45, t46, t47, t48, t49, t50, t51, t52, t53, t54, t55, t56, t57, t58, t59, t60, t61, t62, t63, t64, t65, t66, t67, t68, t69, t70, t71, t72, t73, t74, t75, t76, t77, t78, t79, t80, t81, t82, t83, t84, t85, t86, t87, t88, t89, t90, t91, t92, t93, t94, t95, t96, t97, t98, t99, t100.

Part Number	Type	M (Coarse)	Angle	D	Angle 3°	Angle 5°	Angle 8°	d	Unit Price		Volume Discount Rate	
									1 ~ 49 pcs.	50 ~ 100 pcs.	1 ~ 49 pcs.	50 ~ 100 pcs.
ZTN		6	3	16	5	5.8	5	6.4	5	7.2	7	
		8		18	6.5	7.4	6.5	8.1	6.5	9	9	
		10		22	8	9.2	8	9.9	8	11.1	11	
		12	8	26	10	11.3	10	12.2	10	13.5	13	
		16		32	13	14.7	13	15.8	13	17.5	17	

Square Nuts, Square Washers 2-Hole

Type	M	S
Nuts	SS400	-
Washers	S45C	Black Oxide
FK2T	SUS304	-
FK2W	-	-
FK2TB	-	-
FK2WB	-	-
FK2TS	-	-
FK2WS	-	-

RoHS10

Diagram showing dimensions for Nuts and Washers. Dimensions include B, A, P, M, T, and D.

Part Number	Type	B	A	P	M	T	Unit Price		Volume Discount Rate	
							1 ~ 4 pc(s).	5 ~ 9 pcs.	10 ~ 49 pcs.	50 ~ 200 pcs.
Nuts FK2TS	10		25	15	2	3				
			30	20	3	3				
			35	25	3	3				
			50	40	3	3				
			30	15	6	6				
	16		40	20	6	6				
			50	30	6	6				
			60	40	6	6				
			120	100	6	6				

Ordering Example
Part Number - A - P - D
FK2TS10 - A25 - P15

Part Number	Type	B	A	P	M (Coarse)	T
Nuts FK2T FK2TB FK2TS		6	30~200	2M≤P≤A-2M	3	2
		10			3	3
		16			6	6
		22			8	6
		25			10	9
		38			12	10

Part Number	Type	B	A	P	D Selection	T
Washers FK2W FK2WB FK2WS		6	30~200	2D≤P≤A-2D	4	2
		10			4 6	3
		16			7 9	6
		22			7 9	6
		25			7 9 11 14	6
		38			7 9 11 14	6

B		Unit Price			
		A30~50	A51~100	A101~150	A151~200
6	FK2TS				
10	FK2TS				
16	FK2T				
	FK2TB				
	FK2TS				
22	FK2T				
	FK2TB				
	FK2TS				
25	FK2T				
	FK2TB				
	FK2TS				
38	FK2T				
	FK2TB				
	FK2TS				

B		Unit Price			
		A30~50	A51~100	A101~150	A151~200
6	FK2WS				
10	FK2WS				
16	FK2W				
	FK2WB				
	FK2WS				
22	FK2W				
	FK2WB				
	FK2WS				
25	FK2W				
	FK2WB				
	FK2WS				
38	FK2W				
	FK2WB				
	FK2WS				

Ordering Example
Part Number - A - P - D
FK2T16 - A40 - P25
FK2WS25 - A50 - P20 - D7